

CÔNG TY CỔ PHẦN CAPELLA
GROUP
CAPELLA GROUP JSC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 01/CB-CPG/2026

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2026
Hanoi, March 16th, 2026

BÁO CÁO

Về ngày trở thành cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu

REPORT ON THE DAY BECOMING MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE").

To:

- The State Securities Commission;
- Vietnam Stock Exchange;
- Hochiminh Stock Exchange;
- Hanoi Stock Exchange;
- DNSE Securities Joint Stock Company ("DNSE").



1. Thông tin về tổ chức đầu tư/Information on organization:

- Tên tổ chức đầu tư /Name of organisation: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAPELLA GROUP/
CAPELLA GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam**
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations):

Ngày cấp/*Date of issuance*:

Nơi cấp/*Place of issuance*: Sở Tài chính TP. Hà Nội/*Hanoi Department of Finance*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of head office*:

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates)*: **Không có/ None**

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE (DSE)/DNSE SECURITIES JOINT STOCK COMPANY(DSE)**

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction*: **0 cổ phiếu, tương đương 0%/ 0 share, equivalent to 0%**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates*: **42.075.000 cổ phiếu/ 42,075,000 shares**

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap)*: **42.075.000 cổ phiếu, tương đương 9,82%/ 42,075,000 shares, equivalent to 9.82%**

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates*: **13/03/2026/ March 13th, 2026**



9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, onwership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons: 0 cổ phiếu/0 share*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction: 0 cổ phiếu/0 share*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*
- Lưu: VP HĐQT/BOD
Office

TỔ CHỨC BÁO CÁO/ REPORTING ORGANIZATION
CÔNG TY CỔ PHẦN CAPELLA GROUP/ CAPELLA
GROUP JOINT STOCK COMPANY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ CHAIRMAN

